

Số: **78** /TTr-UBND

Hà Nội, ngày **13** tháng **11** năm 2015

TỜ TRÌNH

Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2016

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Cán bộ công chức ngày 13/11/2008, Luật Viên chức ngày 15/11/2010 và các văn bản Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành;

UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố kết quả thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của HĐND Thành phố về biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2015 và kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2016 của Thành phố như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND THÀNH PHỐ NĂM 2015

1. Về sắp xếp, kiện toàn tổ chức

1.1. Cơ quan hành chính:

Trong năm 2015, Thành phố đã thành lập mới Sở Du lịch trên cơ sở tách chức năng quản lý nhà nước về du lịch từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch¹, giữ nguyên ổn định với các cơ quan hành chính khác.

Tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính thuộc Thành phố hiện nay có:

- Các Sở và cơ quan chuyên môn tương đương sở trực thuộc UBND Thành phố: 24 đơn vị (danh sách tại Biểu 1).
- UBND quận, huyện, thị xã: 30 đơn vị.
- UBND xã, phường, thị trấn: 584 đơn vị.

1.2. Đơn vị sự nghiệp:

Tổng số các đơn vị sự nghiệp và các hội được giao biên chế sự nghiệp: 2.693 đơn vị (giảm 41 đơn vị so với năm 2014), cụ thể:

a. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố và các sở, ngành: 431 đơn vị, trong đó:

- Giảm 10 đơn vị: 04 Trung tâm Xúc tiến trực thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Công thương, Sở Văn hóa, thể thao và du lịch, Ban Quản lý KCN chế xuất Hà Nội hợp nhất thành Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch Hà Nội; 01 Trung tâm Y tế Công nghiệp sáp nhập vào Bệnh viện Tim; 01 Trung tâm Y tế Xây dựng sáp nhập vào Bệnh viện đa khoa Hòe Nhai; 01 Trung tâm Giám định pháp y tâm thần vào Bệnh viện Tâm thần; 01 Ban QLDA phát triển công nghệ thông tin và truyền thông sáp nhập vào Ban QL các DA công nghệ thông tin và viễn thông (Sở Thông tin và truyền thông); 01 Trung tâm phát triển

¹ Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 18/7/2015 của UBND thành phố Hà Nội.

quỹ đất trực thuộc Ban Chỉ đạo Giải phóng mặt bằng sáp nhập vào Trung tâm phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và môi trường; 01 Trung tâm Giới thiệu việc làm sáp nhập vào Trung tâm dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất).

- Tăng 03 đơn vị: Thành lập mới Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch Hà Nội; Ban Quản lý khu di tích Cổ Loa trực thuộc Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội; Trung tâm Lưu trữ lịch sử trực thuộc Chi cục Văn thư lưu trữ, Sở Nội vụ.

Như vậy đã giảm 07 đơn vị so với năm 2014.

b. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã: 2.251 đơn vị (giảm 34 đơn vị, do: hợp nhất 28 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện vào Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội; hợp nhất 24 Trung tâm phát triển quỹ đất cấp huyện vào Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố; thành lập thêm mới 18 trường mầm non, tiểu học, THCS)

c. Các tổ chức Hội được giao biên chế: 11 đơn vị.

Ngoài ra, trong năm 2015, đã thành lập và chính thức đi vào hoạt động trường Đại học Thủ đô Hà Nội trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội; thành lập Nhà hát Nghệ thuật xiếc và Tạp kỹ Hà Nội trên cơ sở tổ chức lại Đoàn Xiếc Hà Nội trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Kết quả thực hiện biên chế

2.1. Biên chế hành chính:

a. Biên chế công chức:

- Biên chế theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 giao: 9.408 biên chế. (Quyết định số 991/QĐ-BNV ngày 29/9/2014 của Bộ Nội vụ giao tổng biên chế công chức cho các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2014 là 9.408 biên chế, trong đó đã bổ sung thêm 115 biên chế công chức cho 02 quận mới Nam Từ Liêm và Bắc Từ Liêm).

Ngày 10/12/2014, UBND Thành phố đã giao cho các đơn vị: 9.397 biên chế, dự phòng: 11 biên chế².

- Ngày 27/12/2014, Bộ Nội vụ có Quyết định số 1329/QĐ-BNV tạm giao biên chế công chức năm 2015 cho thành phố Hà Nội là: 9.257 biên chế giảm 151 biên chế so với số biên chế đã giao năm 2014.

Được sự thống nhất của Thường trực HĐND Thành phố, UBND Thành phố đã có Văn bản số 2102/UBND-NC ngày 31/3/2015 đề nghị Chính phủ, Bộ Nội vụ giao chỉ tiêu biên chế công chức chính thức cho thành phố Hà Nội là 9.408 chỉ tiêu, bằng số đã giao năm 2014.

- Số thực hiện (tính đến ngày 01/10/2015): gồm 8.840 công chức (thấp hơn số biên chế HĐND Thành phố giao 557 biên chế; thấp hơn so với số biên chế Bộ Nội vụ tạm giao 417 biên chế, do chưa tuyển đủ qua thi; do khối lượng công việc lớn nên các đơn vị vẫn đang phải sử dụng thêm hợp đồng công việc. Số

² Quyết định số 6599/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2015 của thành phố Hà Nội

3.2. Thành phố đã tăng cường thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất đối với các cơ quan, đơn vị trong quản lý tổ chức bộ máy, thực hiện kế hoạch biên chế, yêu cầu các đơn vị đăng ký tuyển dụng để bổ sung số công chức còn thiếu so với chỉ tiêu biên chế được giao, tránh sử dụng lao động hợp đồng thay cho công chức.

3.3. Thực hiện chính sách tinh giản biên chế: Ủy ban nhân dân Thành phố đã có Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 12/8/2015 triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Thông tư liên tịch số 01/2015/ TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Liên bộ Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. Các đơn vị toàn Thành phố đang triển khai thực hiện lập đề án tinh giản theo quy định, thực hiện theo kế hoạch được phê duyệt.

3.4. Triển khai tích cực nhiệm vụ hoàn thành xây dựng Đề án vị trí việc làm; ngày 27/01/2015, UBND Thành phố đã có Báo cáo số 616/UBND-NC gửi Bộ Nội vụ đề nghị thẩm định, phê duyệt danh mục vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính thuộc Thành phố. Ngày 08/10/2015, Bộ Nội vụ đã họp thẩm định Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính của Thành phố Hà Nội.

Việc xây dựng Đề án vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố đang được tích cực triển khai theo Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 13/11/2013 của UBND Thành phố, đảm bảo hoàn thành trong năm 2015 để báo cáo Bộ Nội vụ quyết định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức.

3.5. Công tác tuyển dụng công chức, viên chức tiếp tục được đổi mới. Quy trình tuyển dụng công chức, viên chức cũng đã có sự thay đổi theo hướng công khai minh bạch, công bằng. UBND Thành phố đã báo cáo Bộ Nội vụ nhất trí hình thức tuyển dụng môn thi chuyên ngành bằng hình thức trắc nghiệm thay cho thi viết trong kỳ thi công chức, tăng cường biện pháp giám sát các thí sinh bằng camera trong phòng thi. Trong năm 2015, thành phố đã thực hiện kế hoạch tuyển dụng 10.265 chỉ tiêu (gồm: 854 chỉ tiêu công chức hành chính; 9411 chỉ tiêu viên chức sự nghiệp), về cơ bản đã thực hiện theo đúng tiến độ thời gian theo Nghị quyết 07/NQ-HĐND.

3.6. Về rà soát kiện toàn, sắp xếp tổ chức, bộ máy:

UBND Thành phố đã tập trung chỉ đạo tăng cường rà soát chức năng, nhiệm vụ tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp, gắn với yêu cầu tinh gọn bộ máy và tinh giản biên chế. Thành lập cơ quan chuyên môn mới là Sở Du lịch và tiếp tục rà soát, kiện toàn sắp xếp các tổ chức, cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ chưa phù hợp chuyển về quản lý theo ngành, lĩnh vực; thực hiện sáp nhập các đơn vị để giảm đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động. Cụ thể:

- Triển khai Thông tư các Bộ, ngành hướng dẫn thực hiện Nghị định 24/2014/NĐ-CP của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ tổ chức bộ máy các cơ

quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp tỉnh. Hiện Trung ương đã ban hành được 14 thông tư hướng dẫn, (còn thiếu 06 thông tư), UBND Thành phố đã ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức đối với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Ban dân tộc, Thanh tra thành phố Hà Nội..

- Hoàn thành sắp xếp tổ chức Văn phòng đăng ký đất đai quận, huyện, thị xã, theo đúng quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Cụ thể: thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở tổ chức lại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường và các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc UBND quận, huyện, thị xã;

- Sau khi rà soát chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức: Ban Chỉ đạo Giải phóng mặt bằng Thành phố, Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng và Trung tâm phát triển quỹ đất quận, huyện, thị xã; UBND Thành phố đã quyết định Thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất Hà Nội trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở hợp nhất các đơn vị: Trung tâm giao dịch đất đai và Phát triển quỹ đất Hà Nội trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất trực thuộc Ban Chỉ đạo Giải phóng mặt bằng Thành phố, 24 Trung tâm phát triển quỹ đất quận, huyện, thị xã hiện có trên địa bàn Thành phố để thực hiện phù hợp với quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Hiện nay UBND Thành phố tiếp tục chỉ đạo (Sở Nội vụ đã dự thảo xong văn bản) kiện toàn Ban Chỉ đạo Giải phóng mặt bằng Thành phố.

- Về việc kiện toàn toàn tổ chức bộ máy, hoạt động của các Ban quản lý dự án: UBND Thành phố đã sáp nhập BQL dự án phát triển công nghệ thông tin và truyền thông vào BQL các dự án công nghệ thông tin và viễn thông trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông. Hiện nay, UBND thành phố đang chỉ đạo tiếp tục rà soát, kiện toàn các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn Thành phố theo quy định của Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Nội vụ tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng biên chế, lao động hợp đồng tại các đơn vị sự nghiệp, trong đó có Trung tâm huấn luyện thi đấu Thể dục thể thao của Sở Văn hóa và Thể thao. UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Văn hóa và Thể thao đăng ký thi tuyển viên chức của Trung tâm để có biện pháp kiện toàn bộ khung tổ chức hoạt động và cắt giảm các hợp đồng lao động ký ngoài biên chế được giao.

Trong năm 2015, UBND Thành phố đã quyết liệt chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát kiện toàn, sắp xếp tổ chức, bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập, kết quả đã sắp xếp giảm được 41 đơn vị sự nghiệp so với năm 2014 như đã báo cáo.

3.7. UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Nội vụ dự thảo xong văn bản quy định phân cấp, quản lý, tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND Thành phố, dự kiến sẽ ban hành trong quý IV năm 2015.

3.8. Về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng chính quyền điện tử, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, kiểm soát việc thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức: Năm 2015, UBND Thành phố tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý, điều hành, nâng cấp hoàn thiện và mở rộng lĩnh vực cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị và tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Ban Chỉ đạo Ứng dụng CNTT Thành phố đã xác định tập trung vào 04 nội dung: hạ tầng kỹ thuật, nhân lực, an toàn thông tin và môi trường, chính sách đầu tư, đồng thời, xây dựng kế hoạch 5 năm về phát triển CNTT của Thành phố và triển khai đánh giá lại các mô hình Ứng dụng CNTT tại các quận, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn nhằm nhân rộng các mô hình tốt. Việc ứng dụng thư điện tử của Thành phố được đẩy mạnh nhằm đạt mục tiêu 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước của Thành phố khai thác, sử dụng thư điện tử của Thành phố trong trao đổi công việc. UBND Thành phố yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã quán triệt trong toàn cơ quan về việc bắt buộc sử dụng hòm thư điện tử của Thành phố trong trao đổi công việc đồng thời tiếp tục nâng cấp và mở rộng dung lượng các hộp thư điện tử để đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dùng.

II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2016

1. Quan điểm và Căn cứ xây dựng kế hoạch

a. Đối với biên chế công chức hành chính:

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, theo đó: năm 2016 giữ ổn định số chỉ tiêu biên chế như năm 2015 (trừ những đơn vị đã thành lập nhưng chưa được giao biên chế hoặc đơn vị mới được thành lập theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì Thành phố cân đối, điều chỉnh trong tổng số biên chế hiện có)

b. Đối với biên chế sự nghiệp:

- Thực hiện giao biên chế theo quy định tại các Thông tư của Bộ, Ngành liên quan hướng dẫn định mức biên chế viên chức tại các cơ sở giáo dục, các cơ sở y tế nhà nước, các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề, các cơ sở bảo trợ xã hội⁴ và trên cơ sở thực tế nhu cầu sử dụng.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp khác (ngoài khối Y tế, Giáo dục và Đào tạo): Cơ bản giữ nguyên số biên chế viên chức sự nghiệp đã giao năm 2015; chỉ xem xét bổ sung cho các đơn vị khi có thêm nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền quyết định, hình thành tổ chức bộ máy mới đồng thời tiếp tục rà soát sắp xếp kiện toàn các đơn vị sự nghiệp thuộc các sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã để giảm các đầu mối quản lý và giảm biên chế.

⁴ Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của BGDĐT-BNV hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 24/2011/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2011 của Bộ Lao động, Thương binh và xã hội đối với trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề; Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02/12/2011 của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với trường cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/6/2007 hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước; Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ đối với cơ sở bảo trợ xã hội.

- Đối với 11 Hội đã được giao biên chế: Giữ nguyên biên chế viên chức đã giao, số biên chế viên chức giảm do nghỉ hưu hoặc chuyển công tác sẽ thay thế bằng giao chỉ tiêu định suất lao động, làm cơ sở hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các Hội.

- Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP nhân viên tạp vụ, bảo vệ, lái xe: trên cơ sở rà soát, tổng hợp thực tế nhu cầu sử dụng để bố trí đủ cho các đơn vị.

2. Kế hoạch sử dụng biên chế năm 2016

Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của Thành phố trong năm 2016 và căn cứ nêu trên, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố kế hoạch sử dụng biên chế của thành phố năm 2016, và đề nghị HĐND Thành phố thông qua tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2016 để UBND Thành phố quyết định giao biên chế cho các cơ quan, đơn vị của Thành phố như sau:

2.1. Biên chế hành chính: 11.174 biên chế, trong đó:

- Biên chế công chức: 9.408 biên chế (gồm dự phòng: 8 biên chế).

- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 1.354 chỉ tiêu⁵.

- Lao động hợp đồng theo định mức: 412 chỉ tiêu⁶.

2.2. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 154.776 biên chế, trong đó:

- Biên chế viên chức: 133.793 biên chế (gồm dự phòng: 98 biên chế)⁷.

- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 12.519 chỉ tiêu⁸.

- Lao động hợp đồng theo định mức: 8.464 chỉ tiêu⁹.

(Chi tiết theo biểu số 01, 02 kèm theo)

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Để quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ biên chế được giao, UBND Thành phố đề xuất một số giải pháp chủ yếu sau:

1. Tăng cường tuyên truyền, quán triệt thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; các Nghị quyết của HĐND Thành phố về tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng biên chế; hướng dẫn bố trí biên chế, thực hiện chế độ chính sách cho các đối tượng đúng quy định.

2. Rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố gắn với yêu cầu tinh gọn bộ máy và tinh giản biên chế. Kiên quyết tổ chức lại, sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể các đơn vị hoạt động hiệu quả thấp, hoặc đã hết chức năng, nhiệm vụ. Những đơn vị đã được thống nhất đưa vào diện rà soát, sắp xếp lại thì UBND Thành phố không giao thêm chức năng,

⁵ So với năm 2015: tăng 75 chỉ tiêu.

⁶ Tiếp tục giao biên chế hợp đồng theo định mức như các năm trước cho 2 lực lượng Thanh tra giao thông vận tải và Thanh tra xây dựng trong khi Thành phố tiếp tục đề nghị Chính phủ, Bộ Nội vụ tăng biên chế cho 2 lực lượng này căn cứ theo mô hình tổ chức và số lượng công chức tại các Quyết định của Thủ tướng (QĐ 321/QĐ-TTg năm 2010; QĐ 89/2007/QĐ-TTg chuyển sang Nghị định 26/2013/NĐ-CP).

⁷ So với năm 2015: tăng 2.517 biên chế. Cụ thể: Sự nghiệp y tế tăng 240 chỉ tiêu; sự nghiệp GD&ĐT tăng 2.305 chỉ tiêu; các đơn vị sự nghiệp khác giảm 25 chỉ tiêu.

⁸ So với năm 2015: tăng 352 chỉ tiêu (đảm bảo để bố trí đủ nhu cầu thực tế tạp vụ, bảo vệ trụ sở cơ quan và do chuyển 85 lao động hợp đồng hưởng lương khoán theo định mức của Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long-Hà Nội sang Hợp đồng lao động theo Nghị định 68).

⁹ So với năm 2015: tăng 826 chỉ tiêu (chủ yếu bố trí đủ nhân viên nuôi dưỡng trong trường mầm non).

nhiệm vụ đề tập trung hoàn thành rà soát.

Triển khai nội dung Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 12/8/2015 của UBND Thành phố về tình giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ cho giai đoạn 2015-2021.

Một số nội dung cụ thể:

- Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ tổ chức, bộ máy cơ quan hành chính theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP của Chính phủ (thay thế các Nghị định số 13/2008/NĐ-CP và 14/2008/NĐ-CP về tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện), và các Thông tư của các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ đối với các cơ quan chuyên môn.

- Kiện toàn bộ máy Thanh tra xây dựng, Thanh tra Giao thông vận tải; rà soát biên chế, sắp xếp phù hợp, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ thanh tra xây dựng và thanh tra giao thông, đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước về trật tự xây dựng đô thị, trật tự an toàn giao thông.

- Rà soát, có phương án sắp xếp mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng Thành phố, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng các quận, huyện, thị xã. Thực hiện rà soát tổng thể các Ban quản lý dự án của các sở, ngành và quận, huyện, thị xã theo quy định của Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành; rà soát chuyển đơn vị sự nghiệp để chuyển sang hoạt động theo cơ chế tự chủ theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; nghiên cứu chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

3. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý biên chế, tiền lương công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, để sắp xếp bố trí theo vị trí việc làm và nhiệm vụ được giao; kịp thời xem xét, điều chỉnh biên chế tạo điều kiện giúp các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

UBND Thành phố rà soát, bổ sung các quy định quản lý và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng. Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị nếu để xảy ra sai phạm; quy định việc gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý biên chế trong các đánh giá thi đua; có cơ chế kiểm soát chặt chẽ các khoản chi hành chính đúng đối tượng, đúng chế độ quy định. Có biện pháp, lộ trình cụ thể để các cơ quan, đơn vị chấm dứt tình trạng ký hợp đồng lao động làm các nhiệm vụ chuyên môn thuộc trách nhiệm của công chức.

4. Sử dụng số biên chế sau tình giản hợp lý, khoa học; trên cơ sở số người nghỉ hưu và tình giản của đơn vị, phân bổ chỉ tiêu tuyển dụng công chức, viên chức hợp lý, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của đơn vị và yêu cầu tình giản biên chế.

Đề nghị Bộ Nội vụ giao chính thức 9.408 biên chế công chức hành chính, trường hợp Bộ Nội vụ tiếp tục tạm giao 9.257 biên chế, UBND Thành phố sẽ báo cáo HĐND Thành phố điều chỉnh số liệu phân bổ biên chế cho các đơn vị theo quy định.

5. Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng công chức, viên chức để nâng cao chất lượng tuyển dụng và phòng chống tiêu cực. Lập kế hoạch tuyển dụng công chức hành chính, tuyển dụng viên chức ngành giáo dục trong năm 2016; tập trung thực hiện tuyển dụng viên chức cho các đơn vị sự nghiệp công lập khối sở, ngành còn biên chế song chưa tuyển dụng hết (hoàn thành trước tháng 6/2016)

6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, kiểm soát được việc thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức.

UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của HĐND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2015 và Kế hoạch sử dụng biên chế năm 2016 của thành phố Hà Nội.

Kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- Ban Pháp chế HĐND TP;
- Các Sở: Nội vụ, KH và ĐTư, Tài chính;
- VPUBNDTP: CVP, các PCVP, TH, NC;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH *hkh*

PHÓ CHỦ TỊCH *z*



Vũ Hồng Khanh
Vũ Hồng Khanh

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2016 TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Tờ trình số...~~78~~.../TTr-UBND ngày ~~12~~ 13 tháng 11 năm 2015 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2015				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2015					KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2016				Tăng giảm so với giao năm 2015			
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
			Công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP		Công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP	HĐLĐ khác		Công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP		Công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP
	TỔNG CỘNG TOÀN THÀNH PHỐ	11 099	9 408	412	1 279	10 260	8 840	412	1 008	1 364	11 174	9 408	412	1 354	75			75
A	KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH	6 693	5 478	412	803	6 114	5 102	412	600	637	6 738	5 481	412	845	45	3		42
1	Văn phòng UBND Thành phố	194	143		51	182	132		50		194	143		51				
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố	76	60		16	64	51		13		76	60		16				
3	Sở Thông tin và Truyền thông	90	77		13	81	73		8	7	90	77		13				
4	Sở Nội vụ	178	137		41	176	135		41		178	137		41				
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	792	648		144	770	638		132	18	829	648		181	37			37
6	Sở Công Thương	837	734		103	763	708		55	45	837	734		103				
-	Khối các phòng, ban	158	138		20	159	139		20		158	138		20				
-	Chi cục Quản lý thị trường	679	596		83	604	569		35	45	679	596		83				
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	188	171		17	185	168		17	18	188	171		17				
8	Sở Tài chính	261	242		19	243	232		11	24	261	242		19				
9	Sở Xây dựng	1 747	1 412	242	93	1 592	1 295	242	55	278	1 747	1 412	242	93				
-	Khối các phòng, ban Sở	175	159		16	144	128		16	53	175	159		16				
-	Thanh tra Sở Xây dựng	1 572	1 253	242	77	1 448	1 167	242	39	225	1 572	1 253	242	77				
10	Sở Giao thông Vận tải	754	461	170	123	665	404	170	91	79	754	461	170	123				

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2015				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2015					KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2016				Tăng giảm so với giao năm 2015			
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:		
			Công chức	LDHD theo định mức	LDHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP		Công chức	LDHD theo định mức	LDHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP	HDLĐ khác		Công chức	LDHD theo định mức	LDHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP		Công chức	LDHD theo định mức	LDHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP
-	Khởi Văn phòng Sở	163	135		28	138	123		15	14	163	135		28				
-	Thanh tra Sở	591	326	170	95	527	281	170	76	65	591	326	170	95				
11	Sở Khoa học và Công nghệ	131	112		19	109	100		9	16	131	112		19				
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	172	158		14	161	151		10		175	158		17	3			3
13	Sở Giáo dục và đào tạo	166	147		19	151	133		18		167	147		20	1			1
14	Sở Y tế	190	165		25	155	142		13	36	190	165		25				
15	Sở Văn hóa và Thể thao	206	181		25	162	143		19	17	137	121		16	- 69	- 60		- 9
16	Sở Du lịch										69	60		9	69	60		9

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2015				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2015					KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2016				Tăng giảm so với giao năm 2015			
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
			Công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP		Công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP	HĐLĐ khác		Công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP		Công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP
17	Sở Tư pháp	97	87		10	87	81		6		97	87		10				
18	Sở Ngoại vụ	44	36		8	41	33		8	11	44	36		8				
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	187	171		16	180	169		11	54	187	171		16				
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	112	97		15	92	82		10	26	112	97		15				
21	Thanh tra Thành phố	133	126		7	128	122		6		134	126		8	1			1
22	Ban Dân tộc	26	18		8	22	18		4		29	21		8	3	3		
23	Ban chỉ đạo GPMB Thành phố	44	36		8	39	34		5	5	44	36		8				
24	Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất	68	59		9	66	58		8	3	68	59		9				

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2015				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2015					KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2016				Tăng giảm so với giao năm 2015			
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:		
			Công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP		Công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP	HDLĐ khác		Công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP		Công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP
B	KHỐI QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	4 395	3 919		476	4 146	3 738		408	727	4 428	3 919		509	33			33
1	UBND Quận Hoàn Kiếm	159	139		20	156	138		18	30	165	139		26	6			6
2	UBND Quận Hai Bà Trưng	186	158		28	162	154		8	50	186	158		28				
3	UBND Quận Ba Đình	155	139		16	142	132		10	34	155	139		16				
4	UBND Quận Đống Đa	188	162		26	175	151		24	8	188	162		26				
5	UBND Quận Tây Hồ	137	123		14	129	116		13	8	137	123		14				
6	UBND Quận Thanh Xuân	139	123		16	127	118		9	64	139	123		16				
7	UBND Quận Cầu Giấy	136	121		15	129	113		16	35	136	121		15				
8	UBND Quận Hoàng Mai	135	120		15	129	114		15	47	135	120		15				
9	UBND Quận Long Biên	132	122		10	127	121		6		132	122		10				
10	UBND Quận Nam Từ Liêm	140	122		18	126	112		14	59	140	122		18				
11	UBND Quận Bắc Từ Liêm	140	122		18	83	65		18	69	140	122		18				
12	UBND Huyện Thanh Trì	152	135		17	148	134		14	5	152	135		17				
13	UBND Huyện Gia Lâm	160	138		22	155	138		17	14	160	138		22				
14	UBND Huyện Đông Anh	150	140		10	153	134		19	8	150	140		10				
15	UBND Huyện Sóc Sơn	158	148		10	155	145		10	3	166	148		18	8			8
16	UBND Huyện Ba Vì	166	147		19	153	142		11	40	166	147		19				
17	UBND Thị xã Sơn Tây	160	138		22	149	131		18	34	160	138		22				
18	UBND Huyện Thạch Thất	138	128		10	135	127		8		138	128		10				
19	UBND Huyện Phúc Thọ	129	117		12	119	114		5	34	129	117		12				
20	UBND Huyện Đan Phượng	130	118		12	135	117		18	20	139	118		21	9			9

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2015				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2015					KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2016				Tăng giảm so với giao năm 2015			
		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:		
			Công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND số 68/2000/ND-CP		Công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND số 68/2000/ND-CP	HĐLĐ khác		Công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND số 68/2000/ND-CP		Công chức	LĐHD theo định mức	LĐHD theo ND số 68/2000/ND-CP
21	UBND Huyện Hoài Đức	135	125		10	133	125		8	39	135	125		10				
22	UBND Huyện Quốc Oai	151	129		22	149	127		22	50	151	129		22				
23	UBND Huyện Chương Mỹ	148	126		22	153	121		32		148	126		22				
24	UBND Quận Hà Đông	159	146		13	149	136		13	16	159	146		13				
25	UBND Huyện Thanh Oai	125	115		10	119	109		10	8	125	115		10				
26	UBND Huyện Thường Tín	133	122		11	128	119		9		133	122		11				
27	UBND Huyện Ứng Hòa	131	119		12	124	115		9	14	141	119		22	10			10
28	UBND Huyện Phú Xuyên	129	121		8	128	120		8	28	129	121		8				
29	UBND Huyện Mỹ Đức	149	127		22	144	125		19	5	149	127		22				
30	UBND Huyện Mê Linh	145	129		16	132	125		7	5	145	129		16				
C	Dự phòng	11	11								8	8			- 3	- 3		

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2016

(Kèm theo Tờ trình số: ~~18~~...../TTr-UBND ngày ~~13~~ tháng 11 năm 2015 của UBND thành phố Hà Nội)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2015				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2015				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2016				Tăng giảm giữa kế hoạch biên chế năm 2016 so với biên chế được giao năm 2015			
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Biên chế Viên chức	LDHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức		Viên chức	LDHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức		Biên chế Viên chức	LDHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức		Viên chức	LDHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức
	TỔNG CỘNG TOÀN THÀNH PHỐ	151 078	131 273	12 167	7 638	138 991	123 740	9 196	6 055	154 776	133 793	12 519	8 464	3 698	2 520	352	826
A	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KHỎI SỞ, BAN, NGÀNH	49 377	44 357	4 820	200	43 654	40 499	2 976	179	49 859	44 583	5 069	207	482	226	249	7
1	VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ	115	111	4		91	87	4		115	111	4					
2	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	144	142	2		112	111	1		158	142	16		14		14	
3	SỞ NỘI VỤ	24	24			24	24			24	24						
4	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	2 328	2 006	122	200	2 112	1 835	98	179	2 345	2 006	132	207	17		10	7
5	SỞ CÔNG THƯƠNG	92	80	12		88	77	11		92	80	12					
6	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	40	40			38	38			42	40	2		2		2	
7	SỞ TÀI CHÍNH	4	3	1		3	3			4	3	1					
8	SỞ XÂY DỰNG	467	421	46		344	314	30		469	421	48		2		2	
9	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	539	475	64		480	442	38		554	489	65		15	14	1	
10	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	104	93	11		59	54	5		113	93	20		9		9	
11	SỞ LAO ĐỘNG TB&XH	3 208	1 742	1 466		2 444	1 383	1 061		3 208	1 742	1 466					
12	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	12 224	11 466	758		11 327	10 788	539		12 144	11 382	762		- 80	- 84	4	
13	SỞ Y TẾ HÀ NỘI	22 642	20 825	1 817		20 415	19 511	904		22 939	21 065	1 874		297	240	57	
14	SỞ VĂN HÓA THỂ THAO	1 598	1 380	218		1 217	1 121	96		1 619	1 377	242		21	- 3	24	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2015				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2015				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2016				Tăng giảm giữa kế hoạch biên chế năm 2016 so với biên chế được giao năm 2015			
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Biên chế Viên chức	LĐHD theo ND số 68/2000/ND-CP	LĐHD theo định mức		Viên chức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức		Biên chế Viên chức	LĐHD theo ND số 68/2000/ND-CP	LĐHD theo định mức		Viên chức	LĐHD theo ND số 68/2000/ND-CP	LĐHD theo định mức
15	SỞ TƯ PHÁP	306	286	20		265	265			306	286	20					
16	SỞ NGOẠI VỤ	8	8			3	3			8	8						
17	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	1 151	1 112	39		991	963	28		1 173	1 112	61		22		22	
18	SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC	110	97	13		71	61	10		113	97	16		3		3	
19	BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT	37	36	1		27	27			37	36	1					
20	TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ LÊ HỒNG PHONG	170	154	16		123	108	15		170	154	16					
21	TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỆ THUẬT HÀ NỘI	149	143	6		143	141	2		149	143	6					
22	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ	260	252	8		247	246	1		310	302	8		50	50		
23	TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NỘI	203	191	12		159	149	10		203	191	12					
24	TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HÀ NỘI	217	212	5		197	194	3		207	202	5		- 10	- 10		
25	TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI	196	188	8		101	98	3		176	168	8		- 20	- 20		
26	TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	299	290	9		227	221	6		299	290	9					
27	TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HÀ TÂY	190	179	11		152	141	11		190	179	11					
28	TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH	204	196	8		163	158	5		204	196	8					
29	TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỆ CÔNG NGHỆ CAO HÀ NỘI	139	127	12		136	127	9		159	147	12		20	20		
30	TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG	146	139	7		143	136	7		178	168	10		32	29	3	
31	TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÀ TÂY	278	264	14		209	201	8		262	248	14		- 16	- 16		
32	TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HN	83	73	10		80	70	10		83	73	10					
33	TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỆ VIỆT NAM - HÀN QUỐC	49	39	10		48	38	10		79	59	20		30	20	10	
34	VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG	148	145	3		97	94	3		148	145	3					
35	VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI	85	79	6		62	59	3		85	79	6					

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2015				SỐ CÓ MẬT ĐẾN 01/10/2015				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2016				Tăng giảm giữa kế hoạch biên chế năm 2016 so với biên chế được giao năm 2015			
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Biên chế Viên chức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức		Viên chức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức		Biên chế Viên chức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức		Viên chức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức
36	TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI, DU LỊCH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	74	70	4		69	67	2		78	70	8		4		4	
37	TRUNG TÂM BẢO TỒN DI SẢN THẮNG LONG	145	134	11		142	131	11		230	134	96		85		85	
38	ĐÀI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH HÀ NỘI	597	582	15		580	573	7		597	582	15					
39	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	103	95	8		75	69	6		103	95	8					
40	QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT THÀNH PHỐ HÀ NỘI	40	34	6		35	32	3		40	34	6					
41	BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ MỚI	65	60	5		62	57	5		65	60	5					
42	BAN DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ	129	124	5		125	124	1		129	124	5					
43	BAN QL DỰ ÁN HẠ TẦNG TÀ NGẠN	112	102	10		61	59	2		112	102	10					
44	BAN QL CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ	110	100	10		85	77	8		110	100	10					
45	BÁO KINH TẾ ĐÔ THỊ	30	24	6		22	22			30	24	6					
46	CÁC ĐƠN VỊ THUỘC CÔNG AN THÀNH PHỐ	15	14	1										- 15	- 14	- 1	
B	KHÓI HỘI ĐƯỢC GIAO BIÊN CHẾ	472	373	34	65	387	290	32	65	472	373	34	65				
46	HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT THÀNH PHỐ	23	9	2	12	23	9	2	12	23	9	2	12				
47	LIÊN HIỆP CÁC TỔ CHỨC HỮU NGHỊ THÀNH PHỐ	16	14	2		12	10	2		16	14	2					
48	LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC KỸ THUẬT THÀNH PHỐ	9	3	4	2	7	3	2	2	9	3	4	2				
49	HỘI CHỮ THẬP ĐỎ	21	19	2		20	18	2		21	19	2					
50	HỘI NGƯỜI MÙ	26		4	22	26		4	22	26		4	22				
51	HỘI LUẬT GIA	5	5			3	3			5	5						
52	HỘI NHÀ BÁO	7	5	1	1	7	5	1	1	7	5	1	1				
53	HỘI ĐÔNG Y	24	20	2	2	24	20	2	2	24	20	2	2				
54	HỘI KHUYẾN HỌC	1			1	1			1	1			1				

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2015				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2015				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2016				Tăng giảm giữa kế hoạch biên chế năm 2016 so với biên chế được giao năm 2015			
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Biên chế Viên chức	LDHD theo ND số 68/2000/ND-CP	LDHD theo định mức		Viên chức	LDHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP	LDHD theo định mức		Biên chế Viên chức	LDHD theo ND số 68/2000/ND-CP	LDHD theo định mức		Viên chức	LDHD theo ND số 68/2000/ND-CP	LDHD theo định mức
55	HỘI CỰU THANH NIÊN XUNG PHONG THÀNH PHỐ	8		2	6	8		2	6	8		2	6				
56	LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ THÀNH PHỐ	48	27	2	19	48	27	2	19	48	27	2	19				
57	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC THÀNH ĐOÀN	284	271	13		208	195	13		284	271	13					
C	KHỐI QUẬN, HUYỆN:	101 131	86 445	7 313	7 373	94 950	82 951	6 188	5 811	104 347	88 739	7 416	8 192	3 216	2 294	103	819
1	UBND QUẬN HOÀN KIẾM	2 225	1 919	210	96	2 151	1 906	173	72	2 299	1 958	219	122	74	39	9	26
2	UBND QUẬN HAI BÀ TRUNG	3 036	2 628	234	174	2 763	2 395	225	143	3 066	2 627	237	202	30	- 1	3	28
3	UBND QUẬN BA ĐÌNH	2 792	2 418	206	168	2 552	2 297	179	76	2 886	2 496	213	177	94	78	7	9
4	UBND QUẬN ĐÔNG ĐA	3 443	2 959	258	226	3 157	2 815	211	131	3 476	2 951	279	246	33	- 8	21	20
5	UBND QUẬN TÂY HỒ	1 672	1 432	117	123	1 566	1 355	102	109	1 706	1 467	117	122	34	35		- 1
6	UBND QUẬN THANH XUÂN	2 100	1 787	168	145	1 966	1 780	107	79	2 233	1 918	168	147	133	131		2
7	UBND QUẬN CẦU GIẤY	2 404	2 163	152	89	2 259	2 041	149	69	2 528	2 240	152	136	124	77		47
8	UBND QUẬN HOÀNG MAI	3 117	2 640	238	239	2 862	2 482	205	175	3 293	2 803	238	252	176	163		13
9	UBND QUẬN LONG BIÊN	3 286	2 770	252	264	3 208	2 740	240	228	3 729	3 122	261	346	443	352	9	82
10	UBND QUẬN NAM TỪ LIÊM	1 860	1 582	115	163	1 700	1 538	110	52	2 070	1 748	117	205	210	166	2	42
11	QUẬN BẮC TỪ LIÊM	2 512	2 115	157	240	2 271	1 981	157	133	2 630	2 221	159	250	118	106	2	10
12	UBND HUYỆN THANH TRÌ	3 595	2 990	299	306	3 240	2 666	287	287	3 755	3 114	298	343	160	124	- 1	37
13	UBND HUYỆN GIA LÂM	3 615	3 036	291	288	3 423	2 945	197	281	3 676	3 093	291	292	61	57		4
14	UBND HUYỆN ĐÔNG ANH	5 268	4 487	290	491	4 961	4 389	258	314	5 417	4 618	293	506	149	131	3	15
15	UBND HUYỆN SÓC SƠN	5 218	4 428	403	387	4 931	4 268	383	280	5 365	4 547	403	415	147	119		28
16	UBND HUYỆN BA VÌ	5 184	4 376	448	360	4 907	4 159	407	341	5 106	4 250	448	408	- 78	- 126		48
17	UBND THỊ XÃ SƠN TÂY	2 268	1 977	138	153	1 986	1 735	119	132	2 325	1 974	188	163	57	- 3	50	10

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2015				SỐ CÓ MẶT ĐẾN 01/10/2015				KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2016				Tăng giảm giữa kế hoạch biên chế năm 2016 so với biên chế được giao năm 2015			
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Biên chế Viên chức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức		Viên chức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức		Biên chế Viên chức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức		Viên chức	LĐHD theo ND số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức
18	UBND HUYỆN THẠCH THÁT	3 649	3 153	249	247	3 510	3 067	169	274	3 686	3 163	248	275	37	10	- 1	28
19	UBND HUYỆN PHÚC THỌ	3 154	2 697	222	235	2 857	2 494	195	168	3 165	2 708	222	235	11	11		
20	UBND HUYỆN ĐÀN PHƯỢNG	2 532	2 188	180	164	2 270	2 007	154	109	2 735	2 327	182	226	203	139	2	62
21	UBND HUYỆN HOÀI ĐỨC	3 961	3 384	219	358	3 804	3 353	158	293	4 176	3 554	240	382	215	170	21	24
22	UBND HUYỆN QUỐC OAI	3 522	3 051	252	219	3 340	2 970	182	188	3 654	3 080	260	314	132	29	8	95
23	UBND HUYỆN CHƯƠNG MỸ	4 876	4 219	330	327	4 721	4 177	240	304	4 874	4 180	330	364	- 2	- 39		37
24	UBND QUẬN HÀ ĐÔNG	3 704	3 183	248	273	3 718	3 155	246	317	3 930	3 332	259	339	226	149	11	66
25	UBND HUYỆN THANH OAI	3 558	3 067	219	272	3 318	2 887	187	244	3 666	3 165	219	282	108	98		10
26	UBND HUYỆN THƯỜNG TÍN	3 910	3 401	272	237	3 698	3 356	241	101	4 097	3 545	273	279	187	144	1	42
27	UBND HUYỆN ỨNG HÒA	3 599	3 022	325	252	3 339	2 860	253	226	3 550	3 013	278	259	- 49	- 9	- 47	7
28	UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN	3 965	3 387	269	309	3 621	3 283	125	213	3 993	3 388	272	333	28	1	3	24
29	UBND HUYỆN MỸ ĐỨC	3 656	3 059	312	285	3 591	3 008	298	285	3 615	3 024	312	279	- 41	- 35		- 6
30	UBND HUYỆN MÊ LINH	3 450	2 927	240	283	3 260	2 842	231	187	3 646	3 113	240	293	196	186		10
D	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	98	98							98	98						

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND
(Dự thảo)

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2016

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN
(từ ngày/12/2015 đến ngày /12/2015)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Xét Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày tháng 11 năm 2015 của UBND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2016; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2016 và quyết định giao biên chế cho các cơ quan của Thành phố, quận, huyện, thị xã như sau:

1. Biên chế hành chính: 11.174 biên chế, trong đó:

- Biên chế công chức: 9.408 biên chế (trong đó có 8 biên chế dự phòng).
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 1.354 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 412 chỉ tiêu.

2. Số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 154.776 biên chế, trong đó:

- Biên chế viên chức: 133.793 biên chế (trong đó có 98 biên chế dự phòng).
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 12.519 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 8.464 chỉ tiêu.

(Kèm theo biểu chi tiết số 1 và số 2)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức triển khai giao biên chế hành chính, sự nghiệp theo Nghị quyết của HĐND Thành phố cùng với giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội để các đơn vị, địa phương chủ động thực hiện ngay từ đầu năm.

2. Trong năm 2016, nếu có phát sinh (tăng hoặc giảm) so với Nghị quyết HĐND về biên chế hành chính, sự nghiệp (bao gồm cả số lượng dự phòng công chức hành chính và viên chức sự nghiệp), UBND Thành phố thống nhất với

Thường trực HĐND Thành phố trước khi thực hiện và báo cáo HĐND Thành phố vào kỳ họp cuối năm.

3. Tăng cường tuyên truyền, quán triệt thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và các Nghị quyết của HĐND Thành phố về tổ chức bộ máy và quản lý, sử dụng biên chế.

4. Thẩm định, quản lý sử dụng biên chế theo quy định gắn với Đề án vị trí việc làm các cơ quan thuộc thành phố được Bộ Nội vụ phê duyệt; đảm bảo nguyên tắc tạo sự chủ động cho đơn vị sử dụng hiệu quả biên chế được giao trên cơ sở tổng biên chế không thay đổi.

5. Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng công chức, viên chức theo hướng khách quan, minh bạch, công bằng, đảm bảo tuyển chọn được những người đủ đức, đủ tài vào bộ máy các cơ quan của Thành phố. Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác tuyển dụng viên chức theo phân cấp.

6. Quyết liệt rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố gắn với yêu cầu tinh giản bộ máy, biên chế. Kiên quyết tổ chức lại, sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể các đơn vị hoạt động hiệu quả thấp, hoặc đã hết chức năng, nhiệm vụ. Những đơn vị đã được thống nhất đưa vào diện rà soát, sắp xếp lại, đề nghị UBND Thành phố không giao thêm chức năng, nhiệm vụ để tập trung hoàn thành rà soát. Cụ thể:

- Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ bộ máy cơ quan hành chính theo đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP của Chính phủ (thay thế các Nghị định số 13/2008/NĐ-CP và 14/2008/NĐ-CP về tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện), và các Thông tư của các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ đối với các cơ quan chuyên môn.

- Kiện toàn bộ máy Thanh tra xây dựng, Thanh tra Giao thông vận tải; rà soát biên chế, sắp xếp phù hợp, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ thanh tra xây dựng và thanh tra giao thông, đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước về trật tự xây dựng đô thị, trật tự an toàn giao thông.

- Rà soát, có phương án sắp xếp mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng Thành phố, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng các quận, huyện, thị xã. Thực hiện rà soát tổng thể các Ban quản lý dự án của các sở, ngành và quận, huyện, thị xã theo quy định của Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành; chuyển đơn vị sự nghiệp để chuyển sang hoạt động theo cơ chế tự chủ theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; nghiên cứu chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

7. Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý biên chế, tiền lương công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, để sắp xếp bố trí theo vị trí việc

làm và nhiệm vụ được giao; kịp thời xem xét, điều chỉnh biên chế tạo điều kiện giúp các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

UBND Thành phố rà soát, bổ sung các quy định quản lý và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng. Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị nếu để xảy ra sai phạm; quy định việc gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý biên chế trong các đánh giá thi đua; có cơ chế kiểm soát chặt chẽ các khoản chi hành chính đúng đối tượng, đúng chế độ quy định. Có biện pháp, lộ trình cụ thể để các cơ quan, đơn vị chấm dứt tình trạng ký hợp đồng lao động làm các nhiệm vụ chuyên môn thuộc trách nhiệm của công chức.

8. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, kiểm soát được việc thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XIV, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày tháng 12 năm 2015./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác ĐB của QH; VPQH; VPCP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND TP; UBND TP;
- Các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số...../NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2015
của HĐND thành phố Hà Nội)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2016			
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế công chức	LĐHD theo định mức (để kiện toàn tổ chức theo quy định)	LĐHD theo ND68
	TỔNG TOÀN THÀNH PHỐ	11 174	9 408	412	1 354
A	KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH	6 738	5 481	412	845
1	Văn phòng UBND Thành phố	194	143		51
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố	76	60		16
3	Sở Thông tin và Truyền thông	90	77		13
4	Sở Nội vụ	178	137		41
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	829	648		181
6	Sở Công Thương	837	734		103
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	188	171		17
8	Sở Tài chính	261	242		19
9	Sở Xây dựng	1 747	1 412	242	93
10	Sở Giao thông Vận tải	754	461	170	123
11	Sở Khoa học và Công nghệ	131	112		19
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	175	158		17
13	Sở Giáo dục và đào tạo	167	147		20
14	Sở Y tế	190	165		25
15	Sở Văn hóa và Thể thao	137	121		16
16	Sở Du lịch	69	60		9
17	Sở Tư pháp	97	87		10
18	Sở Ngoại vụ	44	36		8
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	187	171		16
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	112	97		15
21	Thanh tra Thành phố	134	126		8
22	Ban Dân tộc	29	21		8
23	Ban chỉ đạo GPMB Thành phố	44	36		8
24	Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất	68	59		9
B	KHỐI QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	4 428	3 919		509
1	UBND Quận Hoàn Kiếm	165	139		26
2	UBND Quận Hai Bà Trưng	186	158		28

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2016			
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế công chức	LĐHD theo định mức (để kiện toàn tổ chức theo quy định)	LĐHD theo ND68
3	UBND Quận Ba Đình	155	139		16
4	UBND Quận Đống Đa	188	162		26
5	UBND Quận Tây Hồ	137	123		14
6	UBND Quận Thanh Xuân	139	123		16
7	UBND Quận Cầu Giấy	136	121		15
8	UBND Quận Hoàng Mai	135	120		15
9	UBND Quận Long Biên	132	122		10
10	UBND Quận Nam Từ Liêm	140	122		18
11	UBND Quận Bắc Từ Liêm	140	122		18
12	UBND Huyện Thanh Trì	152	135		17
13	UBND Huyện Gia Lâm	160	138		22
14	UBND Huyện Đông Anh	150	140		10
15	UBND Huyện Sóc Sơn	166	148		18
16	UBND Huyện Ba Vì	166	147		19
17	UBND Thị xã Sơn Tây	160	138		22
18	UBND Huyện Thạch Thất	138	128		10
19	UBND Huyện Phúc Thọ	129	117		12
20	UBND Huyện Đan Phượng	139	118		21
21	UBND Huyện Hoài Đức	135	125		10
22	UBND Huyện Quốc Oai	151	129		22
23	UBND Huyện Chương Mỹ	148	126		22
24	UBND Quận Hà Đông	159	146		13
25	UBND Huyện Thanh Oai	125	115		10
26	UBND Huyện Thường Tín	133	122		11
27	UBND Huyện Ứng Hòa	141	119		22
28	UBND Huyện Phú Xuyên	129	121		8
29	UBND Huyện Mỹ Đức	149	127		22
30	UBND Huyện Mê Linh	145	129		16
C	DỰ PHÒNG	8	8		

**KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2016**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số...../NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2015
của HĐND thành phố Hà Nội)*

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2016			
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế Viên chức	LĐHĐ theo ND68	LĐHĐ theo định mức
	TỔNG CỘNG TOÀN THÀNH PHỐ	154 776	133 793	12 519	8 464
A	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KHỎI SỞ, BAN, NGÀNH	49 859	44 583	5 069	207
1	VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ	115	111	4	
2	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	158	142	16	
3	SỞ NỘI VỤ	24	24		
4	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	2 345	2 006	132	207
5	SỞ CÔNG THƯƠNG	92	80	12	
6	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	42	40	2	
7	SỞ TÀI CHÍNH	4	3	1	
8	SỞ XÂY DỰNG	469	421	48	
9	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	554	489	65	
10	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	113	93	20	
11	SỞ LAO ĐỘNG TB&XH	3 208	1 742	1 466	
12	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	12 144	11 382	762	
13	SỞ Y TẾ HÀ NỘI	22 939	21 065	1 874	
14	SỞ VĂN HÓA THỂ THAO	1 619	1 377	242	
15	SỞ TƯ PHÁP	306	286	20	
16	SỞ NGOẠI VỤ	8	8		
17	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	1 173	1 112	61	
18	SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC	113	97	16	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2016			
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế Viên chức	LĐHĐ theo ND68	LĐHĐ theo định mức
19	BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT	37	36	1	
20	TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ LÊ HỒNG PHONG	170	154	16	
21	TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỆ THUẬT HÀ NỘI	149	143	6	
22	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ	310	302	8	
23	TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NỘI	203	191	12	
24	TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HÀ NỘI	207	202	5	
25	TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI	176	168	8	
26	TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	299	290	9	
27	TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG HÀ TÂY	190	179	11	
28	TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH	204	196	8	
29	TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHỆ CAO HÀ NỘI	159	147	12	
30	TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ ĐÔNG	178	168	10	
31	TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM HÀ TÂY	262	248	14	
32	TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HN	83	73	10	
33	TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ VIỆT NAM - HÀN QUỐC	79	59	20	
34	VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG	148	145	3	
35	VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI	85	79	6	
36	TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI, DU LỊCH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	78	70	8	
37	TRUNG TÂM BẢO TỒN DI SẢN THĂNG LONG	230	134	96	
38	ĐÀI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH HÀ NỘI	597	582	15	
39	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	103	95	8	
40	QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT THÀNH PHỐ HÀ NỘI	40	34	6	
41	BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ MỚI	65	60	5	
42	BAN DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ	129	124	5	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2016			
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế Viên chức	LĐHĐ theo NĐ68	LĐHĐ theo định mức
43	BAN QL DỰ ÁN HẠ TẦNG TÀI NGUYÊN	112	102	10	
44	BAN QL CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ	110	100	10	
45	BẢO KINH TẾ ĐÔ THỊ	30	24	6	
B	KHỐI HỘI ĐƯỢC GIAO BIÊN CHẾ	472	373	34	65
46	HỘI LIÊN HIỆP VĂN HỌC NGHỆ THUẬT THÀNH PHỐ	23	9	2	12
47	LIÊN HIỆP CÁC TỔ CHỨC HỮU NGHỊ THÀNH PHỐ	16	14	2	
48	LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC KỸ THUẬT THÀNH PHỐ	9	3	4	2
49	HỘI CHỮ THẬP ĐỎ	21	19	2	
50	HỘI NGƯỜI MÙ	26		4	22
51	HỘI LUẬT GIA	5	5		
52	HỘI NHÀ BÁO	7	5	1	1
53	HỘI ĐÔNG Y	24	20	2	2
54	HỘI KHUYẾN HỌC	1			1
55	HỘI CỰU THANH NIÊN XUNG PHONG THÀNH PHỐ	8		2	6
56	LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ THÀNH PHỐ	48	27	2	19
57	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC THÀNH ĐOÀN	284	271	13	
C	KHỐI QUẬN, HUYỆN:	104 347	88 739	7 416	8 192
1	UBND QUẬN HOÀN KIẾM	2 299	1 958	219	122
2	UBND QUẬN HAI BÀ TRUNG	3 066	2 627	237	202
3	UBND QUẬN BA ĐÌNH	2 886	2 496	213	177
4	UBND QUẬN ĐÔNG ĐA	3 476	2 951	279	246
5	UBND QUẬN TÂY HỒ	1 706	1 467	117	122
6	UBND QUẬN THANH XUÂN	2 233	1 918	168	147
7	UBND QUẬN CẦU GIẤY	2 528	2 240	152	136

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ NĂM 2016			
		Tổng số	Trong đó		
			Biên chế Viên chức	LĐHĐ theo ND68	LĐHĐ theo định mức
8	UBND QUẬN HOÀNG MAI	3 293	2 803	238	252
9	UBND QUẬN LONG BIÊN	3 729	3 122	261	346
10	UBND QUẬN NAM TỪ LIÊM	2 070	1 748	117	205
11	QUẬN BẮC TỪ LIÊM	2 630	2 221	159	250
12	UBND HUYỆN THANH TRÌ	3 755	3 114	298	343
13	UBND HUYỆN GIA LÂM	3 676	3 093	291	292
14	UBND HUYỆN ĐÔNG ANH	5 417	4 618	293	506
15	UBND HUYỆN SÓC SƠN	5 365	4 547	403	415
16	UBND HUYỆN BA VÌ	5 106	4 250	448	408
17	UBND THỊ XÃ SƠN TÂY	2 325	1 974	188	163
18	UBND HUYỆN THẠCH THẤT	3 686	3 163	248	275
19	UBND HUYỆN PHÚC THỌ	3 165	2 708	222	235
20	UBND HUYỆN ĐAN PHƯỢNG	2 735	2 327	182	226
21	UBND HUYỆN HOÀI ĐỨC	4 176	3 554	240	382
22	UBND HUYỆN QUỐC OAI	3 654	3 080	260	314
23	UBND HUYỆN CHƯƠNG MỸ	4 874	4 180	330	364
24	UBND QUẬN HÀ ĐÔNG	3 930	3 332	259	339
25	UBND HUYỆN THANH OAI	3 666	3 165	219	282
26	UBND HUYỆN THƯỜNG TÍN	4 097	3 545	273	279
27	UBND HUYỆN ỨNG HÒA	3 550	3 013	278	259
28	UBND HUYỆN PHÚ XUYỀN	3 993	3 388	272	333
29	UBND HUYỆN MỸ ĐỨC	3 615	3 024	312	279
30	UBND HUYỆN MÊ LINH	3 646	3 113	240	293
D	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	98	98		